

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN L
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 6 - 2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, THÀNH PHỐ H

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hạnh

Bà Hà Thị Nga

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân quận L, thành phố H.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L, thành phố H tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận L, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 482/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 552/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị A; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 3/3/43 Nguyễn Tường Loan, phường X, quận L, thành phố H; có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Đỗ Thế A; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 3/3/43 Nguyễn Tường Loan, phường X, quận L, thành phố H; hiện đang chấp hành án tại: Đội 19, phân trại số 2, trại giam X, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Thế A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, quận L, thành phố H ngày 20/6/2013. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu bình thường, đến năm 2016 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do hai bên bất đồng về quan điểm, lối sống, vợ chồng không tôn trọng nhau, có những lời lẽ, suy nghĩ

xúc phạm tới danh dự, thái độ coi thường lẫn nhau dẫn đến hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến năm 2017. Năm 2019, anh Đỗ Thế A bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Q tuyên phạt 21 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy bắt ngày 21/01/2019. Hiện đang cải tạo tại trại giam X từ ngày 05/5/2020 phân trại số 2 X– Đội 19. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thế A, tạo điều kiện cho chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Anh Thái, sinh ngày 15/5/2014; Đỗ Ánh Linh, sinh ngày 01/6/2018. Ly hôn, chị Ánh có nguyện vọng nuôi cả 2 con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị A và anh Đỗ Thế A không có tài sản chung.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Đỗ Thế A vắng mặt song đã có bản tự khai trình bày: Anh và chị Phạm Thị A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, quận L, thành phố H ngày 20/6/2013. Hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam X, thành phố H. Chị A có đơn xin ly hôn, anh đồng ý vì mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và không còn khả năng đoàn tụ được nữa. Về con chung: Anh và chị A có 02 con chung là Đỗ Anh Th, sinh ngày 15/5/2014 và Đỗ Ánh L, sinh ngày 01/6/2018. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cả 2 con chung cho chị Ánh trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng anh không có ý kiến gì khác. Về tài sản chung: không có.

Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định về ra Thông báo thụ lý vụ án, bảo đảm về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc lập hồ sơ vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, việc giao nộp và yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ, xác minh, cấp tổng đạt và tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã đảm bảo tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm b, khoản 1, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn là chị Phạm Thị A và đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị A được ly hôn anh Đỗ Thế A; Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Phạm Thị A và anh Đỗ Thế A có 02 con chung tên Đỗ Anh Th, sinh ngày 15/5/2014; Đỗ Ánh L, sinh ngày 01/6/2018. Hiện nay, chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Khi ly hôn, chị A xin được tiếp tục nuôi con. Anh Đỗ Thế A hiện đang chấp hành hình phạt tù và có nguyện vọng để chị A nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi của con chung sau ly hôn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cả 2 con chung cho chị Ánh trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng: Chị Phạm Thị A và anh Đỗ Thế A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét; Về tài sản chung: Chị Phạm Thị A và anh Đỗ Thế A trình bày: không có tài sản chung nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị A có đơn xin ly hôn anh Đỗ Thế A đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đỗ Thế A vắng mặt song đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Xét chị Phạm Thị A và anh Đỗ Thế A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, quận L, thành phố H vào ngày 20/6/2013. Quá trình chung sống đến năm 2017, chị A và anh Thế A phát sinh mâu thuẫn. Căn cứ vào lời khai của chị A, lời khai của anh Thế A cùng tài liệu, chứng cứ thể hiện: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng về quan điểm, lối sống, vợ chồng không tôn trọng nhau, có những lời lẽ, suy nghĩ xúc phạm tới danh dự, thái độ coi thường lẫn nhau dẫn đến hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến năm 2019, anh Đỗ Thế A bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Q tuyên phạt 21 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy bắt ngày 21/01/2019. Hiện đang cải tạo tại trại giam X từ ngày 05/5/2020 phân trại số 2 X – Đội 19. Nay chị A có đơn xin ly hôn, anh Thế A đồng ý ly hôn để giải phóng cho nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh Thế A đã kéo dài, trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, cho chị Phạm Thị A được ly hôn anh Đỗ Thế A.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Phạm Thị A và anh Đỗ Thế A có 02 con chung tên Đỗ Anh Th, sinh ngày 15/5/2014; Đỗ Ánh L, sinh ngày 01/6/2018. Hiện nay, chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung. Khi ly hôn, chị A xin được tiếp tục nuôi con. Anh Đỗ Thế A hiện đang chấp hành hình phạt tù và có nguyện vọng đồng ý giao 02 con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng và con chung Đỗ Anh Th có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Do đó căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử giao cả 02 con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A không yêu cầu anh Thế A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung:

Chị Phạm Thị A và anh Đỗ Thế A trình bày không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Phạm Thị A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị A được ly hôn anh Đỗ Thế A.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị A trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên là Đỗ Anh Th, sinh ngày 15/5/2014 và Đỗ Ánh L, sinh ngày 01/6/2018 đến khi con chung tên Đỗ Anh Th, Đỗ Ánh L trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A không yêu cầu anh Đỗ Thế A cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005413, ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Chi

cục Thi hành án dân sự quận L thành phố H. Chị Phạm Thị A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND quận L, thành phố H;
- Chi cục THADS quận L, thành phố H;
- UBND phường X, quận L, thành phố H;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự